



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

- Tài liệu tham khảo -

Luật Tổ chức Quốc hội Nhật Bản

*Tài liệu tham khảo sử dụng nội bộ
Phục vụ các cơ quan của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội*

- HÀ NỘI, THÁNG 05/2014 -

Copyright © 2014 TVQH

Bản quyền tài liệu thuộc về Thư viện Quốc hội.

Việc sử dụng mọi thông tin trong tài liệu đều phải trích dẫn theo pháp luật về bản quyền.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. TRIỆU TẬP NGHỊ VIỆN VÀ NGHỊ THỨC KHAI MẠC.....	4
CHƯƠNG II. THỜI GIAN NGHỈ VÀ HỌP CỦA NGHỊ VIỆN .	5
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGÂN SÁCH CỦA NGHỊ VIỆN	6
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN CỦA NGHỊ VIỆN.....	9
CHƯƠNG V. ỦY BAN NGHỊ VIỆN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN.....	11
CHƯƠNG V-II. ỦY BAN NGHIÊN CỨU CỦA THƯỢNG VIỆN	16
CHƯƠNG VI. PHIÊN HỌP TOÀN THỂ CỦA NGHỊ VIỆN ..	17
CHƯƠNG V-II. ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP	21
CHƯƠNG VII. CÁC BỘ TRƯỞNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ	22
CHƯƠNG VIII. CHẤT VẤN	23
CHƯƠNG IX. KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI	24
CHƯƠNG X. MỐI QUAN HỆ GIỮA THƯỢNG VIỆN VÀ HẠ VIỆN	25
CHƯƠNG XI. KÌ HỌP KHẨN CỦA THƯỢNG VIỆN.....	30
CHƯƠNG XI-II. ỦY BAN HIẾN PHÁP	32
CHƯƠNG XI-III. ỦY BAN THÔNG TIN CÔNG CHÚNG VỀ TRỪNG CẦU Ý DÂN	33
CHƯƠNG XII. CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA THƯỢNG VIỆN VÀ HẠ VIỆN VỚI CÔNG CHÚNG VÀ CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ.....	34

CHƯƠNG XIII. TỪ CHỨC, THÔI VIỆC, BỔ NHIỆM VÀ YÊU CẦU TIÊU CHUẨN CỦA MỘT NGHỊ SĨ	35
CHƯƠNG XIV. DUY TRÌ TRẬT TỰ VÀ AN NINH TẠI NGHỊ VIỆN	36
CHƯƠNG XV. CÁC BIỆN PHÁP KỈ LUẬT	37
CHƯƠNG XV-II. ĐẠO ĐỨC CHÍNH TRỊ	40
CHƯƠNG XVI. TÒA ÁN ĐÀN HẠCH	40
CHƯƠNG XVII. THƯ VIỆN QUỐC HỘI, CỤC PHÁP CHẾ, THƯ KÍ NGHỊ SỸ VÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC CỦA NGHỊ SỸ	41
CHƯƠNG XVIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG	42

CHƯƠNG I.

TRIỆU TẬP NGHỊ VIỆN VÀ NGHỊ THỨC KHAI MẠC

Điều 1

Sắc lệnh Hoàng Gia triệu tập Quốc hội sẽ quy định rõ ngày họp của Quốc hội. Sắc lệnh Hoàng Gia triệu tập một kì họp thông thường phải được công bố ít nhất mười ngày trước ngày khai mạc.

Việc triệu tập các kì họp khẩn hoặc đặc biệt (theo quy định của Điều 54 trong Hiến pháp Nhật Bản) không cần tuân theo quy định trên.

Điều 2

Kì họp thông thường sẽ được tổ chức vào tháng Một hàng năm.

Điều 2-II

Kì họp đặc biệt có thể được tổ chức kết hợp với một kì họp thông thường.

Điều 2-III

Sau khi một cuộc tổng tuyển cử được tiến hành do mãn hạn nhiệm kì của các thành viên trong Hạ viện, thì một kì họp bất thường phải được tổ chức trong vòng ba mươi ngày, kể từ ngày bắt đầu nhiệm kì của Hạ viện mới. Tuy nhiên, kì họp bất thường sẽ không được tổ chức, nếu kì họp thông thường được tổ chức trùng với thời điểm này hoặc thời điểm này trùng với thời gian diễn ra cuộc tuyển cử các thành viên của Thượng viện.

Sau khi diễn ra cuộc tuyển cử thường lệ các thành viên của Thượng viện, kì họp bất thường sẽ được tiến hành trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày bắt đầu nhiệm kì mới. Tuy nhiên, kì họp bất thường này sẽ không được tổ chức nếu một kì họp thông thường hoặc một kì họp đặc biệt được tổ chức trong cùng thời gian trên hoặc nếu thời điểm này trùng với thời điểm diễn ra cuộc tổng tuyển cử do hết hạn nhiệm kì của Hạ viện.

Điều 3

Để triệu tập một kì họp bất thường, Chủ tịch một trong hai Viện cần gửi yêu cầu bằng văn bản tới Chính phủ với chữ kí của ít nhất một phần tư số thành viên trong Viện của mình.

Điều 4 Bãi bỏ.

Điều 5

Các thành viên trong Quốc hội phải có mặt tại trụ sở Viện của mình vào thời gian được quy định trong Sắc lệnh Hoàng Gia triệu tập kỳ họp Quốc hội.

Điều 6

Vào ngày khai mạc kỳ họp, mỗi Viện sẽ phải bầu chọn vị trí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc cả hai nếu các vị trí này chưa có người nắm giữ.

Điều 7

Trong thời gian bầu chọn Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch của một Viện, thư kí của Viện đó sẽ được thực hiện các công việc của Chủ tịch Viện.

Điều 8

Lễ khai mạc được tổ chức vào đầu kỳ họp.

Điều 9

Lễ khai mạc kỳ họp của Quốc hội do Chủ tịch Hạ viện chủ trì.

Trong trường hợp Chủ tịch Hạ viện vắng mặt, Chủ tịch Thượng viện sẽ thay mặt chủ trì lễ khai mạc.

CHƯƠNG II.

THỜI GIAN NGHỈ VÀ HỌP CỦA NGHỊ VIỆN

Điều 10

Một kỳ họp thông thường sẽ kéo dài trong vòng một trăm năm mươi ngày. Tuy nhiên, nếu nhiệm kỳ của các thành viên của một trong hai Viện chấm dứt trong thời gian diễn ra kỳ họp thì kỳ họp cũng sẽ chấm dứt.

Điều 11

Thời gian của một cuộc họp bất thường hoặc một kỳ họp đặc biệt của Quốc hội sẽ được hai Viện quyết định bởi một nghị quyết của cả hai Viện.

Điều 12

Kỳ họp của Quốc hội có thể được kéo dài nếu cả Hạ viện và Thượng viện cùng chấp thuận trong một nghị quyết của Viện mình.

Tuy nhiên, một kì họp thông thường không được kéo dài quá hai lần thời gian một cuộc họp thông thường hoặc không được quá ba lần thời gian của một kì họp bất thường hoặc đặc biệt.

Điều 13

Trong trường hợp cả Thượng viện và Hạ viện không thông qua được một nghị quyết chung về vấn đề được đề cập ở Điều 11 và Điều 12 hoặc Thượng viện không thông qua nghị quyết đó thì quyết định của Hạ viện sẽ có giá trị cuối cùng.

Điều 14

Thời gian họp sẽ được tính từ ngày triệu tập kì họp.

Điều 15

Thượng viện và Hạ viện phải nhất trí về thời gian Quốc hội nghỉ họp trong nghị quyết của Viện mình.

Ngay cả trong thời gian nghỉ của Quốc hội, nếu Chủ tịch của một Viện thấy cần thiết hoặc nếu hơn một phần tư số thành viên của Viện đó yêu cầu thì một phiên họp toàn thể của Viện đó sẽ được tổ chức sau khi có sự thảo luận với Chủ tịch của Viện kia.

Theo quy định của Hiến pháp Nhật Bản và đạo luật, số ngày diễn ra phiên họp toàn thể đề cập ở đoạn trên được xem là một phần trong thời gian nghỉ của Quốc hội.

Một Viện có quyền đệ trình yêu cầu được nghỉ trong một thời gian nhất định, nhưng không quá mười ngày.

CHƯƠNG III.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGÂN SÁCH CỦA NGHỊ VIỆN

Điều 16

Số lượng thành viên lãnh đạo của một Viện bao gồm:

- Chủ tịch Viện;
- Phó Chủ tịch Viện;
- Chủ tịch lâm thời;

- Chủ nhiệm các Ủy ban thường trực;
- Tổng Thư kí.

Điều 17

Mỗi Viện sẽ có một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch

Điều 18

Nhiệm kì của Chủ tịch và Phó Chủ tịch một Viện trùng với nhiệm kì của Quốc hội.

Điều 19

Chủ tịch của một Viện có nhiệm vụ duy trì trật tự tại Viện mình, tổ chức sắp xếp công việc, giám sát các công việc hành chính và là người đại diện hợp pháp của Viện đó.

Điều 20

Chủ tịch một Viện có quyền tham gia và phát biểu tại các cuộc họp của các Ủy ban.

Điều 21

Trường hợp Chủ tịch một Viện không hoàn thành được các nhiệm vụ của mình tại Viện đó hoặc vị trí Chủ tịch chưa có người nắm giữ thì Phó Chủ tịch sẽ thay thế.

Điều 22

Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Viện không hoàn thành các nhiệm vụ của mình thì Viện đó sẽ bầu ra Chủ tịch lâm thời để thực hiện các nhiệm vụ của Chủ tịch viện.

Điều 23

Nếu một Viện chưa có người nắm giữ vị trí Chủ tịch Viện hoặc Phó Chủ tịch Viện hoặc cả hai vị trí này thì Viện đó sẽ phải tổ chức bầu cử các vị trí này trong thời gian sớm nhất.

Điều 24

Trong phiên họp bầu Chủ tịch Viện hoặc Phó Chủ tịch Viện hoặc trong trường hợp tuyển cử cả hai vị trí này thì Tổng thư kí của Viện đó sẽ giữ vai trò chủ tọa thay thế Chủ tịch Viện.

Điều 25

Trong mỗi Viện, Chủ nhiệm của từng Ủy ban thường trực được lựa chọn trong số các thành viên của Ủy ban đó.

Điều 26

Mỗi viện có một Tổng Thư kí, các Thư kí viên và các nhân viên cần thiết khác.

Điều 27

Tổng Thư kí của một Viện sẽ được lựa chọn trong số những người không phải là thành viên của Quốc hội.

Các thư kí cũng như các nhân viên khác của một Viện sẽ do Tổng thư kí Viện đó tuyển dụng hoặc sa thải với sự nhất trí của Chủ tịch Viện cũng như sự chấp thuận của Ủy ban Quy tắc và Hành chính.

Điều 28

Dưới sự giám sát của Chủ tịch Viện, Tổng Thư kí sẽ điều hành công việc hành chính của Viện và kí các văn bản chính thức.

Các thư kí thực hiện các công việc hành chính dưới sự chỉ đạo của Tổng Thư kí.

Điều 29

Trong trường hợp Tổng Thư kí không hoàn thành được các nhiệm vụ của mình hoặc vị trí này bị trống thì một Thư kí viên được Tổng Thư kí chỉ định trước sẽ thực hiện công việc của Tổng Thư kí.

Điều 30

Những chức danh lãnh đạo của một Viện có quyền từ chức với sự cho phép của Viện đó. Nếu Viện đó đang trong thời gian nghỉ thì Chủ tịch Viện có quyền thay mặt Viện cho phép từ chức.

Điều 30-II

Trong trường hợp đặc biệt, một Viện có quyền bãi nhiệm Chủ nhiệm một Ủy ban thường trực theo một nghị quyết của Viện đó.

Điều 31

Các chức danh lãnh đạo của Viện không được đồng thời nắm giữ một vị trí chính thức khác trong Chính phủ hoặc một trong các tổ chức công lập ở địa phương, trừ khi luật có quy định khác.

Nếu một thành viên của một trong hai Viện đang nắm giữ một vị trí như quy định ở đoạn trên mà được bầu vào vị trí lãnh đạo của Viện thì thành viên đó sẽ mặc nhiên bị tước bỏ chức vụ cũ.

Điều 32

Các khoản chi tiêu của Thượng viện và Hạ viện được tách biệt trong Ngân sách quốc gia.

Việc phân chia các khoản chi tiêu như quy định ở đoạn trên bao gồm cả Quỹ dự phòng.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN CỦA NGHỊ VIỆN

Điều 33

Trong kì họp của Quốc hội, Nghị sỹ của một Viện sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi không có sự đồng ý của Viện đó, trừ khi Nghị sỹ đó có dính líu rõ ràng tới một hành vi phạm tội diễn ra ngoài Viện đó.

Điều 34

Để được một Viện cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một Nghị sỹ của Viện đó thì trước khi đưa ra Lệnh truy cứu, Chính phủ phải xin phép Viện đó bằng văn bản sau khi nhận được văn bản yêu cầu của tòa án liên quan.

Điều 34-II

Nếu một Nghị sỹ bị truy cứu trách nhiệm hình sự trước khi khai mạc kì họp, Chính phủ phải có nghĩa vụ thông báo tên của Nghị sỹ đó cùng với văn bản

yêu cầu truy tố của tòa án cho Chủ tịch của Viện đó biết vào thời điểm khai mạc kì họp.

Nếu Quốc hội đang họp nhưng có sự đồng ý của Tòa án cho phép gia hạn thời gian tạm giam đối với một Nghị sỹ đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự trước khi khai mạc kì họp của Viện, thì Chính phủ phải thông báo cho Chủ tịch Viện đó biết.

Điều 34-III

Để yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự đối với một Nghị sỹ trước khi khai mạc kì họp, cần phải có văn bản trình lên Chủ tịch Viện cùng với bản tường trình có chữ kí của từ hai mươi thành viên của Viện đó trở lên.

Điều 35

Các Nghị sỹ trong Quốc hội được hưởng mức lương hàng năm không thấp hơn mức lương cao nhất của các công chức thông thường làm việc trong Chính phủ (không bao gồm trợ cấp vùng và các trợ cấp khác).

Điều 36

Các Nghị sỹ có thể được hưởng lương hưu theo những quy định riêng.

Điều 37. Bị bãi bỏ.

Điều 38

Các Nghị sỹ của Quốc hội được hưởng các khoản trợ cấp khác theo quy định riêng như trợ cấp cho việc gửi các văn bản tài liệu và cho các giao dịch mang tính chất phục vụ cho công việc trong thời gian kì họp.

Điều 39

Trong thời gian đương nhiệm của mình, một Nghị sỹ không được nắm giữ đồng thời các vị trí khác trong Chính phủ hoặc trong bất cứ một tổ chức công lập ở địa phương, ngoại trừ các vị trí sau: Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Phó thư kí Nội các Chính phủ, Trợ lý đặc biệt cho Thủ tướng, Phó Thủ tướng thứ nhất, Thư ký của Quốc hội và các vị trí khác do luật định. Tuy nhiên, trong thời gian đương nhiệm của mình, một Nghị sỹ có thể được bổ nhiệm vào các vị trí sau: thành viên của một hội đồng, cố vấn hoặc các chức vụ có tính chất tương tự ở một cơ quan thuộc Nội các hoặc của cơ quan hành pháp với điều kiện phải

được cả Hạ viện và Thượng viện cùng chấp thuận trong một nghị quyết chung của hai Viện.

CHƯƠNG V.

ỦY BAN NGHỊ VIỆN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN

Điều 40

Mỗi Viện có thể có hai loại hình Ủy ban, Ủy ban thường trực và Ủy ban đặc biệt.

Điều 41

Ủy ban thường trực của mỗi Viện có nhiệm vụ xem xét các giải pháp (bao gồm cả nghị quyết của Viện đó), các kiến nghị và các vấn đề khác có liên quan tới phạm vi công việc của Viện đó.

Các Ủy ban thường trực của Hạ viện bao gồm:

- Ủy ban về Nội các;
- Ủy ban Nội vụ và Truyền thông;
- Ủy ban Công tác tư pháp;
- Ủy ban Đối ngoại;
- Ủy ban Tài chính;
- Ủy ban Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban Y tế, Lao động và Phúc lợi;
- Ủy ban Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp;
- Ủy ban Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp;
- Ủy ban Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải;
- Ủy ban Môi trường;
- Ủy ban An ninh;
- Ủy ban Các chính sách quốc gia cơ bản;
- Ủy ban Ngân sách;

- Ủy ban Kiểm toán và Giám sát hành chính;
- Ủy ban Quy tắc và Hành chính;
- Ủy ban Kỷ luật;

Các Ủy ban thường trực của Thượng viện gồm có:

- Ủy ban về Nội các;
- Ủy ban Tổng hợp;
- Ủy ban Công tác tư pháp;
- Ủy ban Đối ngoại và Quốc phòng;
- Ủy ban Tài chính;
- Ủy ban Giáo dục, Văn hóa và Khoa học;
- Ủy ban Y tế, Lao động và Phúc lợi;
- Ủy ban Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp;
- Ủy ban Kinh tế và Công nghiệp;
- Ủy ban Đất đai và Giao thông vận tải;
- Ủy ban Môi trường;
- Ủy ban về Các chính sách quốc gia cơ bản;
- Ủy ban Ngân sách;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Ủy ban Giám sát hành chính;
- Ủy ban Quy tắc và Hành chính;
- Ủy ban Kỷ luật.

Điều 42

Mỗi Viện bổ nhiệm các thành viên của các Ủy ban thường trực của mình vào đầu mỗi kì họp của Viện đó và các thành viên đó sẽ nắm giữ chức vụ này cho đến khi nhiệm kì của họ tại Viện đó chấm dứt.

Bất cứ một Nghị sĩ nào cũng phải làm thành viên của ít nhất một Ủy ban thường trực. Tuy nhiên, các nghị sĩ là Chủ tịch Viện, Phó Chủ tịch Viện, Thủ

tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Phó Thủ ký Nội các Chính phủ, Trợ lý đặc biệt của Thủ tướng, Phó Thủ tướng thứ nhất, Thủ ký Quốc hội có quyền từ chối việc bổ nhiệm vào vị trí nào đó trong một Ủy ban thường trực.

Nếu một Nghị sỹ từ chối quyền làm thành viên trong một Ủy ban thường trực theo quy định ở đoạn trên thì một nghị sỹ khác cùng nhóm chính trị với nghị sỹ đó có quyền tiếp nhận quyền thành viên đó.

Điều 43

Mỗi Ủy ban thường trực sẽ có một thành viên có kiến thức chuyên ngành (được gọi là Cố vấn) và các nghiên cứu viên khác.

Điều 44

Một Ủy ban thường trực có quyền tổ chức một cuộc họp chung với Ủy ban thường trực của Viện khác sau khi có sự thỏa thuận giữa hai Ủy ban này.

Điều 45

Mỗi viện có quyền thành lập các Ủy ban đặc biệt nhằm xem xét các vấn đề mà Viện đó thấy cần thiết hoặc các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của bất cứ một ủy ban thường trực nào của Viện.

Các thành viên của Ủy ban đặc biệt sẽ do Viện đó chỉ định và sẽ hoạt động cho đến khi các vấn đề do Ủy ban xem xét đã được Viện đó quyết định.

Chủ nhiệm của Ủy ban đặc biệt do các thành viên của Ủy ban đó bầu ra trong số các thành viên.

Điều 46

Số lượng thành viên của các Ủy ban thường trực và các Ủy ban đặc biệt được phân bổ cho các nhóm Đảng trong Viện theo tỉ lệ số lượng thành viên của các nhóm đó và các thành viên chính thức của các Ủy ban sẽ được bầu theo tỷ lệ này.

Sau khi đã chỉ định các thành viên của các Ủy ban theo như quy định trên mà phát sinh yêu cầu phân bổ lại số lượng thành viên vì có sự thay đổi tỷ lệ số lượng thành viên của các nhóm Đảng trong Viện thì Chủ tịch Viện có quyền thay đổi thành viên của các Ủy ban với sự chấp thuận của Ủy ban Quy tắc và

Hành chính của Viện đó mà không phải tuân theo các quy định trong đoạn 1 Điều 42 và đoạn 2 Điều 45.

Điều 47

Các Ủy ban thường trực và Ủy ban đặc biệt chỉ xem xét các vấn đề được giao cho Ủy ban trong thời gian Quốc hội đang họp.

Tuy nhiên, ngay cả khi Quốc hội không họp, các Ủy ban thường trực và Ủy ban đặc biệt có thể xem xét các vấn đề (bao gồm các vấn đề về kỉ luật) được chuyển đến cho Ủy ban theo một nghị quyết riêng của Viện.

Khi một vấn đề về kỉ luật được các Ủy ban xem xét trong khi Quốc hội không họp theo quy định của đoạn trên thì đây phải là một trường hợp vi phạm kỷ luật diễn ra trong kì họp liền trước đó.

Trong trường hợp vấn đề được quyết định tiếp tục xem xét ngay cả khi Quốc hội không họp thì theo quy định tại đoạn 2 của Điều này, Chủ tịch Viện đó phải thông báo cho Viện kia và Chính phủ biết tình hình.

Điều 48

Chủ nhiệm Ủy ban có trách nhiệm điều hành công việc và duy trì trật tự tại Ủy ban đó.

Điều 49

Ủy ban chỉ họp và đưa ra các quyết định khi có mặt ít nhất một phần hai số thành viên của Ủy ban đó.

Điều 50

Mọi vấn đề được thảo luận tại Ủy ban phải được quyết định theo đa số thành viên có mặt. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành ngang nhau, Chủ tịch Ủy ban có quyền ra quyết định cuối cùng.

Điều 50- II

Một Ủy ban có quyền trình dự án luật và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban mình.

Chủ nhiệm Ủy ban là người đệ trình dự án luật này.

Điều 51

Ủy ban có quyền tổ chức các buổi điều trần công khai về các vấn đề quan trọng, được nhiều người quan tâm và phục vụ cho mục đích chung, và Ủy ban có quyền lắng nghe ý kiến từ các tổ chức hoặc cá nhân quan tâm nhằm tiếp nhận thêm thông tin.

Các buổi điều trần công khai theo như quy định ở đoạn trên phải được tổ chức đối với việc quyết định ngân sách chung và các dự án luật quan trọng liên quan đến nguồn thu. Quy định này không được áp dụng đối với các vấn đề có nội dung tương tự như các vấn đề đã tổ chức các buổi điều trần công khai.

Điều 52

Chỉ có các Nghị sỹ có quyền được tham dự cuộc họp của Ủy ban với tư cách là khách mời. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng đối với những người làm việc trong lĩnh vực báo chí hoặc bất cứ cá nhân nào đã được Chủ tịch Viện đó cho phép.

Một Ủy ban có quyền tổ chức các buổi họp kín, nếu thấy cần thiết.

Để đảm bảo trật tự của phiên họp, Chủ nhiệm Ủy ban có quyền yêu cầu bất cứ vị khách mời nào ra khỏi phòng họp.

Điều 53

Chủ nhiệm Ủy ban có trách nhiệm báo cáo lên Viện mình tiến trình và kết quả các phiên họp của Ủy ban.

Điều 54

Một ý kiến thiểu số bị Ủy ban bác bỏ nhưng nhận được sự ủng hộ của hơn một phần mười số thành viên có mặt tại phiên họp, có thể được một thành viên trong nhóm ý kiến thiểu số báo cáo lên Viện cùng với báo cáo của Chủ nhiệm Ủy ban. Trong trường hợp này, thành viên của nhóm ý kiến thiểu số phải trình lên Chủ tịch Viện bản báo cáo tóm tắt về ý kiến của nhóm cùng tên của những người ủng hộ ý kiến này.

Chủ tịch Viện phải bố trí thời gian để nghe báo cáo về ý kiến thiểu số.

Bản báo cáo theo quy định tại đoạn 1 của Điều này phải được đưa vào biên bản làm việc của Viện cùng với bản báo cáo của Ủy ban.

Chương V-II.

ỦY BAN NGHIÊN CỨU CỦA THƯỢNG VIỆN

Điều 54-II

Thượng viện có quyền thành lập các Ủy ban nghiên cứu nhằm tiến hành các cuộc điều tra mang tính chất lâu dài và toàn diện về các vấn đề cơ bản của Nhà nước.

Các Ủy ban nghiên cứu sẽ được duy trì cho đến khi nhiệm kỳ của một phần hai số nghị sỹ trong Thượng viện kết thúc.

Tên của Ủy ban, các vấn đề nghiên cứu cũng như số thành viên của Ủy ban nghiên cứu sẽ do Thượng viện quyết định.

Điều 54-III

Các thành viên của Ủy ban nghiên cứu sẽ do Thượng viện chỉ định và các thành viên sẽ nắm giữ vai trò này trong suốt thời gian hoạt động của Ủy ban.

Số lượng thành viên của Ủy ban nghiên cứu được phân bổ cho các nhóm Đảng trong Viện theo tỉ lệ số lượng thành viên của các nhóm/Đảng đó và các thành viên của Ủy ban nghiên cứu sẽ được chỉ định trên cơ sở này.

Sau khi các thành viên của Ủy ban nghiên cứu được chỉ định theo quy định ở trên mà phát sinh yêu cầu phân bổ lại số lượng thành viên do sự thay đổi số lượng thành viên của nhóm/Đảng chính trị thì Chủ tịch Thượng viện có quyền thay đổi tỉ lệ số lượng thành viên đó với sự chấp thuận của Ủy ban Quy tắc và Hành chính của Thượng viện chứ không tuân theo quy định tại đoạn 1 của Điều này.

Chủ tịch của một Ủy ban nghiên cứu sẽ được lựa chọn trong số các thành viên của Ủy ban đó.

Điều 54-IV

Các quy định sau sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích hợp cho các Ủy ban nghiên cứu: Điều 20, Đoạn 1-2-4 Điều 47, từ Điều 48 cho đến hết Điều 50-II, Đoạn 1 Điều 51, Điều 52, Điều 60, Điều 69 đến hết Điều 73, Điều 104, Điều 105, Điều 120 và Điều 124.

Khi Ủy ban nghiên cứu đệ trình dự thảo luật theo quy định tại Đoạn 1 Điều 50-II thì sẽ áp dụng Điều 57-II với những sửa đổi thích hợp.

Chương VI. **PHIÊN HỌP TOÀN THỂ CỦA NGHỊ VIỆN**

Điều 55

Chủ tịch một Viện sẽ quyết định chương trình làm việc và thông báo trước cho các thành viên trong Viện.

Nếu Chủ tịch Viện thấy cần thiết, Chủ tịch Viện có quyền tổ chức một phiên họp toàn thể mà chỉ cần thông báo cho các nghị sỹ trong Viện biết ngày, giờ của phiên họp đó.

Điều 55-II

Chủ tịch Viện có quyền tham khảo ý kiến của Chủ nhiệm Ủy ban Quy tắc và Hành chính và các thành viên của Hội nghị về thủ tục do chính Ủy ban Quy tắc và Hành chính chỉ định về chương trình làm việc cũng như các vấn đề khác mà Chủ tịch Viện đó thấy cần thiết. Trong trường hợp các bên không đi đến thống nhất ý kiến thì Chủ tịch Viện có quyền quyết định cuối cùng.

Chủ tịch Viện có thể giao cho Chủ nhiệm Ủy ban Quy tắc và Hành chính quyền Chủ tọa Hội nghị về thủ tục.

Chủ tịch Viện có quyền tổ chức Hội nghị về thủ tục vào bất cứ thời điểm nào bất kể khi Quốc hội họp hoặc nghỉ.

Điều 56

Khi một nghị sỹ đệ trình một giải pháp thì nhất thiết phải được sự ủng hộ của trên hai mươi thành viên đối với Hạ viện và trên mười thành viên đối với Thượng viện. Tuy nhiên, trong trường hợp dự án có liên quan tới ngân sách thì nhất thiết phải được sự ủng hộ của trên năm mươi thành viên đối với Hạ viện và trên hai mươi thành viên đối với Thượng viện.

Khi một giải pháp được giới thiệu hoặc trình tại một Viện, Chủ tịch Viện đó sẽ chuyển giải pháp đó tới một Ủy ban có liên quan nghiên cứu, và sau khi đã được Ủy ban này xem xét, sẽ đưa ra xem xét tại phiên họp toàn thể. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp và theo yêu cầu của người giới thiệu hoặc trình bày

thì việc xem xét của Ủy ban có liên quan có thể được bỏ theo một nghị quyết của Viện đó.

Một giải pháp đã được Ủy ban có liên quan quyết định không cần thiết phải trình ra phiên họp toàn thể thì không phải đưa ra xem xét tại phiên họp toàn thể. Tuy nhiên giải pháp đó phải được đưa ra báo cáo tại phiên họp toàn thể nếu đó là yêu cầu của trên hai mươi nghị sỹ của Viện đó trong vòng bảy ngày (không tính thời gian nghỉ) kể từ của Ủy ban ra quyết định.

Nếu không có yêu cầu theo như quy định ở trên thì giải pháp đó sẽ không được thông qua.

Các quy định ở trên sẽ không được áp dụng đối với các giải pháp do Viện khác đệ trình.

Điều 56-II

Trường hợp Ủy ban Quy tắc và Hành chính thấy cần thiết, một Viện phải tổ chức nghe giải trình về mục đích của một giải pháp được đệ trình hoặc chuyển đến Viện mình tại phiên họp toàn thể.

Điều 56-III

Trong trường hợp cần thiết, một Viện có quyền yêu cầu một Ủy ban báo cáo sơ bộ về một vấn đề hoặc một giải pháp đang được Ủy ban xem xét.

Đối với một giải pháp hoặc một vấn đề đã được báo cáo sơ bộ, trong trường hợp có yêu cầu khẩn cấp, Viện đó sẽ định một thời hạn nhất định cho Ủy ban đó xem xét hoặc quyết định đưa ra phiên họp toàn thể.

Nếu Viện đó đã ấn định thời gian mà Ủy ban đó không hoàn thành đúng thời gian thì Viện đó phải xem xét vấn đề đó tại phiên họp toàn thể. Tuy nhiên, Viện đó có thể gia hạn thời gian xem xét theo yêu cầu của Ủy ban liên quan.

Điều 56-IV

Một Viện không được xem xét một giải pháp giống với một giải pháp được gửi từ Viện còn lại.

Điều 57

Kiến nghị sửa đổi một giải pháp tại một phiên họp toàn thể phải được sự ủng hộ của ít nhất hai mươi thành viên trong Hạ viện và ít nhất mười thành viên

trong Thượng viện. Tuy nhiên, việc đệ trình một kiến nghị sửa đổi dự thảo luật làm tăng ngân sách hoặc cần phải sửa đổi ngân sách thì nhất thiết phải được sự ủng hộ của ít nhất năm mươi thành viên trong Hạ viện và ít nhất hai mươi thành viên trong Thượng viện.

Điều 57-II

Kiến nghị việc sửa đổi một dự thảo luật ngân sách tại phiên họp toàn thể phải được sự ủng hộ của ít nhất năm mươi thành viên trong Hạ viện hoặc ít nhất hai mươi thành viên trong Thượng viện.

Điều 57-III

Một Viện hoặc một Ủy ban phải tạo điều kiện để Chính phủ có cơ hội đưa ra ý kiến về một sửa đổi làm tăng tổng ngân sách hoặc về một dự thảo luật do một Ủy ban hoặc một nghị sỹ đệ trình mà cần phải sửa đổi ngân sách hoặc về một kiến nghị sửa đổi dự thảo luật làm tăng ngân sách hay cần sửa đổi ngân sách.

Điều 58

Khi Chính phủ đã trình một giải pháp tới một Viện thì phải gửi giải pháp đó tới Viện kia trong vòng năm ngày để xem xét sơ bộ.

Điều 59

Để sửa đổi hoặc rút lại một giải pháp do Chính phủ trình mà giải pháp đó đã được một Viện hay một Ủy ban bắt đầu xem xét thì nhất thiết phải được sự đồng ý của Viện đó. Chính phủ không được phép rút lại hay sửa đổi một giải pháp sau khi giải pháp đó đã được một trong hai Viện thông qua.

Điều 60

Đối với một giải pháp do một Viện đệ trình thì Chủ nhiệm (hoặc người được ủy nhiệm) của Ủy ban liên quan hoặc người đệ trình giải pháp đó có quyền giải thích lý do đưa ra giải pháp đó với Viện còn lại.

Điều 61

Chủ tịch Viện có quyền ấn định thời gian để các thành viên đưa ra các thắc mắc, tranh luận cũng như các thảo luận khác trừ khi có sự quy định khác từ trước của Viện.

Khi có trên một phần năm số nghị sỹ có mặt của Viện đó phản đối khoảng thời gian do Chủ tịch Viện ấn định thì Chủ tịch Viện phải đưa vấn đề đó ra biểu quyết tại Viện.

Bất cứ phát biểu nào của một nghị sỹ không kịp đưa ra tại phiên họp toàn thể do hạn chế thời gian sẽ được ghi lại trong Biên bản của Viện đó nhưng phải được sự nhất trí của Chủ tịch Viện đó, trừ khi Viện có quyết định khác.

Điều 62

Theo biểu quyết của trên hai phần ba số thành viên có mặt, Viện có quyền tổ chức họp kín trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Viện hoặc của trên mười thành viên của Viện đó.

Điều 63

Một Viện có quyền không công bố chi tiết biên bản làm việc của một cuộc họp kín theo quyết định của Viện.

Điều 64

Trường hợp vị trí Thủ tướng Chính phủ chưa có người nắm giữ hoặc trường hợp Thủ tướng Chính phủ đương nhiệm xin từ chức thì Chính phủ phải thông báo ngay cho hai Viện.

Điều 65

Đối với một giải pháp cần có nghị quyết của Quốc hội mà Chủ tịch Viện nơi có quyền quyết định cuối cùng về nghị quyết hoặc trong trường hợp nghị quyết của Hạ viện cũng là nghị quyết của Quốc hội thì Chủ tịch Hạ viện sẽ đệ trình giải pháp đó lên Hoàng Đế qua Chính phủ nếu nghị quyết đó được ban hành, hoặc tới Chính phủ nếu nghị quyết đó không cần ban hành.

Chủ tịch Hạ viện phải báo cáo Hoàng Đế thông qua Chính phủ về việc bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ mới.

Điều 66

Một đạo luật phải được công bố trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày được đệ trình lên Hoàng Đế.

Điều 67

Một dự án luật đặc biệt quy định riêng đối với một chủ thể công ở địa phương thì sau khi có sự quyết định cuối cùng của Quốc hội, dự án luật đó chỉ trở thành Luật sau khi nhận được sự đồng ý của đa số các cử tri ở địa phương liên quan trong một cuộc trưng cầu ý dân được tổ chức theo quy định của một đạo luật riêng.

Điều 68

Một vấn đề không được thông qua bởi một nghị quyết tại một kỳ họp sẽ không được đưa ra xem xét tại kì họp tới, trừ khi đó là giải pháp hoặc một vấn đề kỉ luật được đưa ra xem xét theo quy định tại Đoạn 2 Điều 47 trong thời gian Quốc hội không họp.

Chương V-II.

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều 68-II

Ngoài các quy định tại Đoạn 1 Điều 56, một nghị sỹ đề xuất dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, cần phải được sự ủng hộ của trên một trăm Hạ nghị sỹ hoặc hơn năm mươi Thượng nghị sỹ.

Điều 68-III

Các dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp được đệ trình theo quy định của Điều trên đây phải được xem xét riêng biệt đối với từng vấn đề riêng.

Điều 68-IV

Ngoài các quy định tại Điều 57, kiến nghị dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp được nêu ra tại một phiên họp toàn thể phải nhận được sự ủng hộ của hơn một trăm thành viên của Hạ viện và hơn năm mươi thành viên của Thượng viện.

Điều 68-V

Nếu Quốc hội thông qua quyết định cuối cùng của dự án chính sách sửa đổi Hiến pháp thì Quốc hội phải dựa trên quyết định cuối cùng của mình để soạn thảo văn bản sửa đổi Hiến pháp chính thức và trình ra quốc dân theo quy định của Đoạn 1 Điều 96 của Hiến pháp Nhật Bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch

của cả hai Viện phải thông báo công khai về bản sửa đổi Hiến pháp và bản dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp trên công báo.

Ngoài các quy định tại Đoạn 1 Điều 65, nếu Quốc hội thông qua quyết định cuối cùng về dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp theo quy định của Đoạn trên, Chủ tịch của Viện ra quyết định cuối cùng phải thông báo và chuyển dự thảo tới Chính phủ.

Điều 68-VI

Dựa trên đề xuất dự thảo sửa đổi Hiến pháp, ngày trưng cầu ý dân về sửa đổi Hiến pháp sẽ được quyết định theo một nghị quyết của Quốc hội ngay sau khi thông qua bản đề xuất sửa đổi Hiến pháp.

Chương VII.

CÁC BỘ TRƯỞNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ

Điều 69

Phó trưởng thư ký Nội các, Thứ trưởng thứ nhất và Thư ký Quốc hội có thể tham dự phiên họp toàn thể hoặc phiên họp của Ủy ban để giúp Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng khác.

Với sự đồng ý của Chủ tịch Thượng viện và Chủ tịch Hạ viện, Chính phủ có thể cho phép Chủ tịch của Cục Nhân sự Quốc gia, Tổng Thư ký của Cục Soạn thảo văn bản pháp luật của Chính phủ, Chủ nhiệm của Hội đồng Thương mại Công bình, Chủ nhiệm Cục Quản lý Hạt nhân, Chủ nhiệm của Hội đồng Hòa giải các tranh chấp môi trường tham dự một phiên họp toàn thể hoặc phiên họp của Ủy ban với vai trò tư vấn đặc biệt của Chính phủ để hỗ trợ Thủ tướng và các Bộ trưởng Chính phủ.

Điều 70

Khi Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Phó trưởng Thư ký Nội các, Thứ trưởng thứ nhất, Thư ký Quốc hội hoặc chuyên gia tư vấn của Chính phủ có nguyện vọng phát biểu tại một phiên họp toàn thể hay một cuộc họp của một Ủy ban thì người đó phải thông báo cho Chủ tịch Viện hoặc Chủ nhiệm Ủy ban đó biết.

Điều 71

Thông qua Chủ tịch của Viện mình, một Ủy ban có quyền yêu cầu sự hiện diện của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Phó trưởng Thư ký Nội các hoặc chuyên gia tư vấn của Chính phủ tại một cuộc họp của Ủy ban mình.

Điều 72

Thông qua Chủ tịch của Viện mình, một Ủy ban có quyền yêu cầu Chủ nhiệm hoặc các chuyên viên của Ủy ban Kiểm toán tham dự một cuộc họp của Ủy ban mình và phát biểu ý kiến giải trình.

Theo đề nghị của mình và với sự chấp thuận của một Ủy ban, Chánh án Tòa án tối cao hoặc Phó chánh án Tòa án tối cao do Chánh án chỉ định có quyền tham dự và đưa ra ý kiến giải trình của mình tại cuộc họp của Ủy ban đó.

Điều 73

Các báo cáo tại một phiên họp toàn thể và các cuộc họp của Ủy ban sẽ được gửi đến Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Phó trưởng Thư ký Nội các, Thứ trưởng thứ nhất các Bộ, Thư ký Quốc hội và các chuyên gia tư vấn của Chính phủ vào cùng thời điểm các văn bản này được gửi đến các nghị sỹ trong Quốc hội.

Chương VIII.

CHẤT VẤN

Điều 74

Khi nghị sỹ của một Viện muốn chất vấn Chính phủ thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch Viện đó.

Câu hỏi chất vấn phải được gửi Chủ tịch Viện dưới dạng văn bản súc tích, ngắn gọn.

Trường hợp nghị sỹ phản đối việc chất vấn của mình không được Chủ tịch Viện đồng ý thì Chủ tịch viện nhất thiết phải đưa vấn đề ra biểu quyết mà không cần phải thảo luận.

Theo yêu cầu của nghị sỹ, Chủ tịch Viện phải ghi vào biên bản phiên họp chất vấn mà Chủ tịch Viện hoặc Viện đó không đồng ý.

Điều 75

Chủ tịch Viện phải chuyển các chất vấn mà Chủ tịch Viện hoặc Viện đó đã đồng ý tới Chính phủ.

Chính phủ phải trả lời chất vấn trong thời gian bảy ngày, kể từ ngày nhận được chất vấn đó dưới dạng văn bản súc tích, ngắn gọn. Nếu không trả lời được trong thời gian trên, Chính phủ phải nêu rõ nguyên nhân cũng như thời gian sẽ đưa ra câu trả lời.

Điều 76

Một chất vấn có tính khẩn cấp có thể được trình bày bằng miệng theo một nghị quyết của Viện.

Điều 77 Đã bị bãi bỏ

Điều 78 Đã bị bãi bỏ

Chương IX. KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Điều 79

Một cá nhân có nguyện vọng gửi kiến nghị tới một Viện thì nhất thiết phải trình bày bằng văn bản và gửi tới Viện thông qua nghị sỹ của Viện đó.

Điều 80

Một Viện sẽ thông qua nghị quyết về kiến nghị của cử tri sau khi kiến nghị đã được một Ủy ban liên quan xem xét.

Các kiến nghị mà Ủy ban liên quan sau khi xem xét cho rằng không nhất thiết phải được đưa ra trước phiên họp toàn thể thì sẽ không được đưa ra xem xét trước phiên họp. Tuy nhiên, nếu có trên hai mươi nghị sỹ của Viện đó đề nghị, thì các kiến nghị này nhất thiết phải được đưa ra thảo luận tại phiên họp toàn thể.

Điều 81

Các kiến nghị đã được một Viện thông qua và thấy cần thiết phải có hành động của Chính phủ thì sẽ được chuyển tới Chính phủ.

Hàng năm Chính phủ phải báo cáo cho Viện biết tình hình giải quyết các kiến nghị của cử tri.

Điều 82

Thượng viện và Hạ viện có quyền tiếp nhận các kiến nghị của cử tri một cách riêng biệt và không can thiệp đến các công việc của nhau.

Chương X.

MỐI QUAN HỆ GIỮA THƯỢNG VIỆN VÀ HẠ VIỆN

Điều 83

Trường hợp một giải pháp cần có sự thông qua của Quốc hội mà đã được Viện A thông qua hoặc sửa đổi thì giải pháp đó sẽ được gửi tới Viện B, trường hợp Viện A không thông qua giải pháp đó thì phải thông báo cho Viện B biết.

Trường hợp Viện B thông qua hoặc bác bỏ một giải pháp do Viện A đưa ra thì phải thông báo cho Viện A biết.

Trường hợp Viện B sửa đổi một giải pháp do Viện A đưa ra thì giải pháp sửa đổi phải được gửi lại cho Viện A.

Trường hợp Viện A đồng ý hoặc từ chối với những sửa đổi do viện B đưa ra thì phải thông báo cho Viện B biết.

Điều 83-II

Trường hợp Thượng viện từ chối một dự thảo do Hạ viện đưa ra thì cần gửi lại văn bản đó cho Hạ viện.

Nếu Thượng viện không nhất trí với dự thảo luật do Hạ viện gửi lại và nếu một cuộc họp của Ủy ban Liên hợp của hai Viện được tổ chức theo yêu cầu của Thượng viện không được tổ chức do Hạ viện từ chối tham dự hoặc nếu Thượng viện không yêu cầu triệu tập một cuộc họp Ủy ban Liên hợp thì dự thảo luật đó sẽ được gửi lại cho Hạ viện.

Trường hợp Thượng viện phản đối một dự thảo ngân sách hoặc một điều ước quốc tế đã được Hạ viện xem xét trước thì văn bản đó sẽ được gửi lại Hạ viện. Trường hợp Hạ viện phản đối một điều ước quốc tế đã được Thượng viện xem xét trước thì văn bản đó sẽ được gửi lại Thượng viện.

Điều 83-III

Theo quy định tại Đoạn 4 Điều 59 của Hiến pháp Nhật Bản, nếu Hạ viện quyết định rằng việc Thượng viện không đưa ra quyết định cuối cùng đối với dự thảo luật được xem như một sự phản đối thì Hạ viện phải thông báo cho Thượng viện biết.

Trường hợp nghị quyết của Hạ viện về một bản dự thảo ngân sách hoặc điều ước quốc tế cũng là nghị quyết của Quốc hội theo như quy định tại Đoạn 2 Điều 60 hoặc Điều 61 của Hiến pháp Nhật Bản thì Hạ viện phải thông báo cho Thượng viện biết.

Khi nhận được thông báo của Hạ viện theo quy định ở hai Đoạn trên của Điều này, Thượng viện phải gửi lại ngay lập tức cho Hạ viện các vấn đề mà Hạ viện đã chuyển đến hoặc chuyển lại.

Điều 83-IV

Đối với dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, khi Viện B không đồng ý một đề xuất gửi đến thì Viện A, đề xuất đó phải được chuyển lại Viện A.

Đối với dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, khi Viện A không đồng ý với bản dự thảo do Viện B gửi lại và không triệu tập phiên họp Ủy ban Liên hợp, thì đề xuất đó phải chuyển lại Viện B.

Điều 83-V

Khi một giải pháp do Viện A gửi lại và được Viện B tiếp tục xem xét trong thời gian ngoài kỳ họp Quốc hội và được quyết định tại kỳ họp tiếp theo, thì Điều 83 sẽ được áp dụng

Điều 84

Trường hợp Hạ viện không tán thành dự thảo luật do Thượng viện gửi lại hoặc trường hợp Thượng viện phản đối dự thảo luật do Hạ viện gửi đến hoặc Thượng viện không tán thành dự thảo luật do Hạ viện gửi lại thì Hạ viện có thể triệu tập phiên họp Ủy ban Liên hợp của hai Viện.

Mặc dù có quy định như Đoạn trên, trong trường hợp Thượng viện không tán thành giải pháp do Hạ viện đề nghị, Thượng viện có thể triệu tập phiên họp Ủy ban Liên hợp cùng thời điểm mà Thượng viện tuyên bố về sự không tán

thành của mình. Tuy nhiên, Hạ viện có thể khước từ đề nghị của Thượng viện về triệu tập phiên họp của Ủy ban Liên hợp.

Điều 85

Trường hợp Hạ viện không nhất trí với một giải pháp về dự thảo ngân sách hoặc một điều ước quốc tế do Thượng viện gửi lại mà giải pháp đó được Hạ viện xem xét trước, hoặc trường hợp Thượng viện phản đối với dự thảo ngân sách hoặc một điều ước quốc tế do Hạ viện gửi lại, thì Hạ viện phải triệu tập cuộc họp của Ủy ban Liên hợp.

Trường hợp Thượng viện không nhất trí với một giải pháp về một điều ước quốc tế do Hạ viện gửi lại mà giải pháp đó đã được Thượng viện xem xét trước hoặc trường hợp Hạ viện phản đối một điều ước quốc tế do Thượng viện đưa ra thì Thượng viện phải triệu tập cuộc họp của Ủy ban Liên hợp.

Điều 86

Trường hợp một Viện nhất trí thông qua việc bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ thì việc bổ nhiệm này phải được thông báo cho Viện kia biết.

Trường hợp cả hai Viện không nhất trí về việc bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ thì Thượng viện phải triệu tập một cuộc họp của Ủy ban liên hợp hai Viện.

Điều 86-II

Đối với dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, khi Viện A không đồng ý với bản sửa đổi do Viện B gửi lại hoặc khi Viện B phản đối bản dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp gửi đến từ Viện A, Viện A có thể triệu tập Ủy ban Liên hợp.

Đối với dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, khi Viện A không đồng ý với sửa đổi do Viện B gửi lại và không yêu cầu triệu tập phiên họp liên hợp, Viện B có thể yêu cầu triệu tập phiên họp Ủy ban Liên hợp.

Điều 87

Đối với một vấn đề yêu cầu phải ban hành một nghị quyết của Quốc hội không phải là dự thảo luật, dự thảo ngân sách hay một điều ước quốc tế hoặc dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, mà Viện xem xét sau không nhất trí với việc

thông qua của Viện đã xem xét trước thì Viện xem xét sau phải gửi lại vấn đề hoặc giải pháp đó cho Viện kia cùng với thông báo việc không chấp thuận.

Khi xảy ra trường hợp quy định ở trên, Viện đã xem xét trước có quyền triệu tập cuộc họp của Ủy ban Liên hợp.

Điều 88

Trường hợp một trong hai Viện yêu cầu triệu tập một cuộc họp của Ủy ban Liên hợp thì Viện kia không được phép từ chối tham dự, ngoại trừ trường hợp theo quy định tại Đoạn 2 Điều 84.

Điều 89

Ủy ban Liên hợp gồm có hai mươi thành viên, trong đó mỗi Viện được bầu số thành viên như nhau.

Điều 90

Việc chủ trì các cuộc họp của Ủy ban Liên hợp sẽ do hai Chủ nhiệm Ủy ban đến từ mỗi Viện thay phiên chủ trì. Chủ nhiệm Ủy ban của mỗi Viện do chính các thành viên tham gia Ủy ban của Viện đó bầu ra. Việc chủ tọa của cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Liên hợp sẽ được bầu theo cách bốc thăm.

Điều 91

Các cuộc họp của Ủy ban Liên hợp chỉ có thể đưa ra một quyết định, nếu có ít nhất hai phần ba số thành viên của mỗi Viện tham dự.

Điều 91-II

Trường hợp một thành viên của Ủy ban Liên hợp vắng mặt tại cuộc họp mà không có lý do chính đáng hoặc mặc dù đã có yêu cầu triệu tập nhiều lần của Chủ nhiệm Ủy ban Liên hợp mà vẫn vắng mặt thì Chủ tịch Viện của thành viên đó có quyền xem thành viên đó đã bị bãi nhiệm khỏi Ủy ban Liên hợp.

Khi xảy ra trường hợp quy định ở trên, Viện của thành viên đó có quyền tổ chức ngay một cuộc bầu cử để thay thế.

Điều 92

Trong một cuộc họp của Ủy ban Liên hợp, một bản dự thảo thỏa thuận sẽ trở thành một bản thỏa thuận chính thức khi được trên hai phần ba số thành viên có mặt tại cuộc họp nhất trí thông qua.

Tất cả các vấn đề, ngoại trừ trường hợp quy định ở trên, phải được thông qua bởi đa số thành viên có mặt. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau, Chủ nhiệm Ủy ban Liên hợp có quyền ra quyết định cuối cùng.

Điều 93

Bản thỏa thuận chính thức đã đạt được tại cuộc họp của Ủy ban Liên hợp phải được Viện đưa ra yêu cầu triệu tập cuộc họp xem xét trước sau đó mới gửi cho Viện còn lại.

Khi xem xét bản thỏa thuận chính thức các Viện không được đưa ra bất cứ một sửa đổi nào khác.

Điều 94

Trường hợp Ủy ban Liên hợp không đạt được một thỏa thuận chính thức thì Chủ tịch Ủy ban Liên hợp của mỗi Viện phải thông báo tình hình cho Viện mình biết.

Điều 95

Chủ tịch của mỗi Viện có quyền tham dự cuộc họp của Ủy ban Liên hợp để bày tỏ ý kiến cá nhân.

Điều 96

Ủy ban Liên hợp có quyền yêu cầu Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Phó trưởng Thư ký Nội các, Thứ trưởng thứ nhất, Thư ký Quốc hội và các chuyên gia tư vấn của Chính phủ tham dự các cuộc họp của Ủy ban.

Điều 97

Những người không phải là thành viên của Ủy ban Liên hợp không được phép tham dự cuộc họp của Ủy ban.

Điều 98

Quy trình, thủ tục làm việc của Ủy ban Liên hợp, ngoài các quy định trong luật này, sẽ được hai Viện thông qua trong một nghị quyết chung của cả hai Viện.

Chương XI. KÌ HỌP KHẨN CỦA THƯỢNG VIỆN

Điều 99

Trường hợp Chính phủ cần tổ chức một cuộc họp khẩn của Thượng viện thì Thủ tướng Chính phủ phải gửi yêu cầu này tới Chủ tịch Thượng viện để ấn định ngày họp và giải pháp hoặc vấn đề cần xem xét.

Khi đã có yêu cầu theo quy định ở Đoạn trên thì Chủ tịch Thượng viện phải thông báo cho từng nghị sỹ trong Thượng viện biết và các nghị sỹ này phải có mặt tại Thượng viện vào ngày ấn định theo như quy định ở trên.

Điều 100

Trong thời gian diễn ra kì họp khẩn của Thượng viện, một nghị sỹ của Thượng viện sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi không có sự đồng ý của Thượng viện trừ khi nghị sỹ đó vi phạm rõ ràng một hành vi phạm tội nằm ngoài Thượng viện.

Trường hợp một nghị sỹ của Thượng viện bị truy cứu trách nhiệm hình sự trước khi khai mạc kì họp khẩn của Thượng viện thì Chính phủ phải thông báo tên nghị sỹ đó cùng với bản sao lệnh truy tố tới Chủ tịch Thượng viện trước ngày triệu tập kì họp.

Trong thời gian diễn ra kì họp khẩn của Thượng viện mà Tòa án quyết định gia hạn thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự với một nghị sỹ của Thượng viện thì Chính phủ phải thông báo cho Chủ tịch Thượng viện biết.

Một nghị sỹ của Thượng viện đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự trước khi khai mạc kì họp khẩn sẽ được miễn truy cứu trách nhiệm trong thời gian diễn ra kì họp khẩn của Thượng viện nếu có yêu cầu của Thượng viện.

Đệ trình yêu cầu miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một nghị sỹ của Thượng viện đã bị truy cứu trước khi khai mạc kì họp khẩn của Thượng

viện phải được trình lên Chủ tịch Thượng viện dưới hình thức một văn bản yêu cầu cùng với một bản giải trình nêu rõ lý do với chữ ký của trên hai mươi thành viên trong Thượng viện.

Điều 101

Tại một kì họp khẩn của Thượng viện, các nghị sĩ chỉ được quyền đề trình các giải pháp hoặc các vấn đề có liên quan tới các vấn đề được đề cập theo quy định tại Đoạn 1 Điều 99.

Điều 102

Tại một kì họp khẩn của Thượng viện, các kiến nghị của cử tri chỉ được đề trình nếu có nội dung liên quan tới nội dung được quy định tại Đoạn 1 Điều 99.

Điều 102-II

Khi tất cả các vấn đề hoặc giải pháp khẩn đã được quyết định, Chủ tịch Thượng viện sẽ tuyên bố bế mạc phiên họp khẩn của Thượng viện.

Điều 102-III

Trường hợp các giải pháp đã được thông qua tại kì họp khẩn của Thượng viện thì những giải pháp cần phải công bố sẽ được Chủ tịch Thượng viện đề trình lên Hoàng Đế thông qua Chính phủ, những giải pháp khác sẽ được chuyển đến Chính phủ.

Điều 102-IV

Các giải pháp được thông qua tại kì họp khẩn của Thượng viện được Chính phủ trình Hạ viện để được Hạ viện thông qua.

Điều 102-V

Khi áp dụng các quy định tại Điều 6, Đoạn 1 Điều 47, Điều 67 và Đoạn 2 Điều 69 thì khái niệm “triệu tập” được hiểu là “hội họp”; “kì họp” được hiểu là “kì họp khẩn” “sau khi đạt được sự nhất trí chính thức về vấn đề đó tại Quốc hội” được hiểu là “sau khi đạt được sự nhất trí về vấn đề đó tại kì họp khẩn của Thượng viện”; khái niệm “Quốc hội” và “cả hai Viện” sẽ được hiểu tương ứng là “một kì họp khẩn của Thượng viện” và “Thượng viện”; và khi áp dụng các quy định tại Điều 121-II khái niệm “ngày bế mạc của một kì họp hoặc ngày

trước ngày bế mạc” được hiểu là “ngày bế mạc của một kì họp khẩn của Thượng viện hoặc ngày trước ngày bế mạc”; khái niệm “Viện không thông qua tiếp tục xem xét vấn đề trong khi Quốc hội không họp” được hiểu là “Ủy ban chưa kết thúc việc xem xét” và khái niệm “kì họp trước” được hiểu là “kì họp khẩn của Thượng viện sau khi kì họp trước đã bế mạc”.

Chương XI-II.

ỦY BAN HIẾN PHÁP

Điều 102-VI

Một Ủy ban Hiến pháp sẽ được thành lập tại mỗi Viện để thực hiện việc nghiên cứu toàn diện và rộng rãi về Hiến pháp và các đạo luật có quan hệ chặt chẽ với Hiến pháp, cũng như có nhiệm vụ thẩm tra các dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, các dự thảo sửa đổi Hiến pháp và các dự thảo đưa ra trung cầu ý dân.

Điều 102-VII

Ủy ban Hiến pháp có thể trình dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp và các dự thảo sửa đổi Hiến pháp hoặc các dự thảo đưa ra trung cầu ý dân. Trong trường hợp này, quy định tại Điều 168-III được áp dụng một cách phù hợp.

Chủ nhiệm Ủy ban Hiến pháp là người đệ trình bản dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp và các dự thảo sửa đổi Hiến pháp hoặc các dự thảo đưa ra trung cầu ý dân theo quy định của Đoạn trên.

Điều 102-VIII

Đối với dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, Ủy ban Hiến pháp của Viện này, sau khi tham vấn với Ủy ban Hiến pháp của Viện kia, tổ chức cuộc họp chung với Ủy ban của Viện kia.

Phiên họp chung của Ủy ban Hiến pháp theo quy định của Đoạn trên có thể đưa ra các đề xuất về dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp tới Ủy ban Hiến pháp của mỗi Viện.

Bất kỳ vấn đề nào được thảo luận tại phiên họp chung theo quy định tại Đoạn 1 của Điều này mà chưa được quy định tại các đoạn khác của Luật này sẽ được quy định tại một nghị quyết chung của cả hai Viện.

Điều 102-IX

Quy định tại Điều 53, Điều 54, Đoạn 2 Điều 56, Điều 60 và Điều 80 sẽ được áp dụng một cách phù hợp đối với hoạt động của Ủy ban Hiến pháp. Các quy định tại Điều 47 (trừ Đoạn 3), Đoạn 3 đến Đoạn 5 Điều 56, Điều 57-III và Chương VII sẽ được áp dụng một cách phù hợp đối với hoạt động của Ủy ban Hiến pháp đối với dự thảo sửa đổi Hiến pháp hoặc dự thảo đưa ra trưng cầu ý dân.

Đối với việc áp dụng quy định tại Điều 68 đối với các vấn đề được đệ trình ra Ủy ban Hiến pháp, quy định các giải pháp hoặc một vấn đề kỷ luật được xem xét theo quy định tại Đoạn 2 Điều 47 khi Quốc hội không họp” được hiểu là “Một dự thảo chính sách sửa đổi Hiến pháp, một giải pháp hoặc biện pháp kỷ luật đang được xem xét theo quy định tại Đoạn 2 Điều 47 khi Quốc hội không họp”

Điều 102-X.

Các vấn đề liên quan đến Ủy ban Hiến pháp chưa được quy định từ Điều 102-VI đến điều khoản trên sẽ được quy định riêng theo quyết định của từng Viện.

Chương XI-III.

ỦY BAN THÔNG TIN CÔNG CHÚNG VỀ TRƯNG CẦU Ý DÂN

Điều 102-XI

Khi có dự thảo sửa đổi Hiến pháp được đệ trình, Quốc hội sẽ thành lập một Ủy ban Thông tin công chúng về trưng cầu ý dân để thực hiện các hoạt động thông tin công chúng liên quan đến dự thảo Hiến pháp được đề xuất. Ủy ban này có số lượng thành viên ngang bằng nhau do mỗi Viện bầu ra.

Ủy ban Thông tin công chúng về trưng cầu ý dân chấm dứt hoạt động khi việc trưng cầu ý dân về dự thảo được đệ trình theo quy định tại Đoạn trên kết thúc.

Chủ nhiệm Ủy ban Thông tin công chúng được bầu trong số các thành viên của Ủy ban.

Điều 102-XII

Ngoài các quy định tại điều khoản nêu trên, các vấn đề liên quan đến Ủy ban Thông tin công chúng về trung cầu ý dân sẽ được quy định bởi một đạo luật riêng.

Chương XII.

CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA THƯỢNG VIỆN VÀ HẠ VIỆN VỚI CÔNG CHÚNG VÀ CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Điều 103

Một Viện có quyền cử các thành viên của Viện mình đi khảo sát các giải pháp hoặc điều tra cơ quan hành chính nhà nước hoặc bất cứ nơi nào mà Viện thấy cần thiết.

Điều 104

Chính phủ, các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác phải tuân thủ yêu cầu của Viện hoặc bất kỳ Ủy ban nào của Viện đó trong việc báo cáo hoặc cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động điều tra, giám sát.

Trong trường hợp Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước từ chối hoặc không thể thực hiện yêu cầu theo quy định của Đoạn trên thì phải đưa ra lý do phù hợp. Nếu lý do đó được Viện hoặc Ủy ban chấp thuận, thì Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước không phải báo cáo hoặc cung cấp thông tin.

Trong trường hợp các lý do đưa ra không được chấp thuận, Viện hoặc Ủy ban có thể yêu cầu Chính phủ ra tuyên bố việc báo cáo hoặc cung cấp thông tin sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của quốc gia. Nếu Chính phủ ra tuyên bố, Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước không cần thiết phải báo cáo hoặc cung cấp thông tin.

Nếu Chính phủ không ra tuyên bố trong vòng mười ngày kể từ ngày có yêu cầu, Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước phải báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Điều 105

Mỗi Viện hoặc bất kỳ Ủy ban nào của mỗi Viện có thể yêu cầu Ban Kiểm toán thực hiện kiểm toán đối với những vấn đề đặc biệt khi cần thiết để thẩm tra hoặc điều tra và báo cáo về kết quả kiểm toán.

Điều 106

Trường hợp một nhân chứng hay một người cung cấp thông tin được triệu tập tới hoặc phát biểu tại một Viện để Viện đó xem xét hoặc điều tra thì cá nhân đó sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở theo mức quy định rõ ràng.

Chương XIII.

TỪ CHỨC, THÔI VIỆC, BỎ NHIỆM VÀ YÊU CẦU TIÊU CHUẨN CỦA MỘT NGHỊ SĨ

Điều 107

Mỗi Viện có quyền chấp thuận sự từ nhiệm của nghị sỹ Viện đó. Tuy nhiên, trong thời gian Quốc hội không họp thì Chủ tịch Viện đó có quyền chấp thuận sự từ nhiệm này.

Điều 108

Trường hợp thành viên của một Viện trở thành thành viên của Viện kia thì tư cách thành viên tại Viện đầu tiên sẽ mặc nhiên bị hủy bỏ.

Điều 109

Nghị sỹ của một Viện sẽ phải từ nhiệm khi mất tư cách bầu cử hợp pháp.

Điều 109-II

Sau ngày bầu cử, nếu một nghị sỹ được bầu vào Hạ viện theo hình thức đại diện tỷ lệ nằm trong danh sách ứng cử viên do một Đảng chính trị hoặc tổ chức đề xuất quyết định chuyển đổi liên minh sang một Đảng hoặc một tổ chức khác thì sẽ bị mất tư cách thành viên, trừ khi đó là kết quả của một sự hợp nhất hoặc chia tách các Đảng chính trị hoặc các tổ chức.

Sau ngày bầu cử, nếu một nghị sỹ được bầu vào Thượng viện theo hình thức đại diện tỷ lệ nằm trong danh sách ứng cử viên do một Đảng chính trị hoặc tổ chức đề xuất quyết định chuyển đổi liên minh sang một Đảng hoặc một tổ chức khác thì sẽ bị mất tư cách thành viên, trừ khi đó là kết quả của một sự hợp nhất hoặc chia tách các Đảng chính trị hoặc các tổ chức.

Điều 110

Khi khuyết một số ghế trong một Viện, Chủ tịch Viện đó phải thông báo cho Thủ tướng Chính phủ biết tình hình.

Điều 111

Trường hợp tư cách của một nghị sỹ của một Viện bị nghi ngờ thì Viện đó sẽ quyết định về vấn đề này sau khi đã được một Ủy ban liên quan xem xét.

Sự nghi ngờ nói trên phải được một nghị sỹ trong Viện đó trình lên Chủ tịch Viện dưới hình thức văn bản.

Điều 112

Nghị sỹ bị xem xét tư cách tại một Viện có quyền yêu cầu nhiều nhất hai luật sư bào chữa để bào chữa.

Chính phủ sẽ bảo đảm chi phí cho một trong hai luật sư bào chữa được đề cập ở trên.

Điều 113

Một nghị sỹ sẽ không bị tước bỏ vị trí và các thẩm quyền của mình cho tới khi bị chứng minh không đủ tư cách. Tuy nhiên, nghị sỹ đó không có quyền biểu quyết tại cuộc họp xem xét tư cách của mình mặc dù có quyền kháng cáo.

Chương XIV.

DUY TRÌ TRẬT TỰ VÀ AN NINH TẠI NGHỊ VIỆN

Điều 114

Để đảm bảo trật tự tại một Viện trong kì họp của Quốc hội, Chủ tịch Viện đó có quyền thi hành các biện pháp an ninh trong phạm vi của Viện theo như quy định trong Luật này cũng như Quy chế của Viện mình.

Điều này cũng được áp dụng khi Quốc hội không họp.

Điều 115

Nhân viên an ninh cần thiết cho một Viện sẽ do Chính phủ cử đến theo yêu cầu của Chủ tịch Viện đó và đặt dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Viện.

Điều 116

Trường hợp tại một phiên họp toàn thể, một nghị sỹ có hành động trái ngược với luật này, Quy chế của Viện hoặc quấy phá hoặc xúc phạm tới thanh danh của Viện thì Chủ tịch Viện đó có quyền cảnh cáo hoặc kiểm chế nghị sỹ đó hoặc yêu cầu nghị sỹ đó không được có những biểu hiện tương tự. Nếu lệnh của

Chủ tịch Viện không được tuân thủ thì Chủ tịch Viện sẽ yêu cầu nghị sỹ đó không được phát biểu cho đến khi ngày họp kết thúc; hoặc nếu các công việc của kì họp sẽ được tiến hành vào ngày tiếp theo thì cho đến khi kết thúc công việc của kì họp; hoặc yêu cầu nghị sỹ đó ra khỏi phòng họp.

Điều 117

Chủ tịch Viện có quyền tạm hoãn cuộc họp hoặc chuyển phiên họp sang ngày khác, nếu không kiểm soát được phiên họp.

Điều 118

Trong trường hợp một khách mời ở hành lang dành cho khách tham quan cản trở đến tiến trình phiên họp thì Chủ tịch Viện có quyền yêu cầu người đó ra khỏi hội trường hoặc nếu cần thiết thì chuyển giao cho cơ quan công an.

Chủ tịch Viện có quyền yêu cầu giải tán hành lang dành cho khách tham quan nếu thấy quá ồn ào.

Điều 118-II

Nếu một người không phải là nghị sỹ của Viện gây mất trật tự, Chủ tịch viện có quyền yêu cầu cá nhân đó ra khỏi trụ sở Viện hoặc nếu cần thiết thì chuyển giao người này cho cơ quan công an.

Điều 119

Không được dùng ngôn từ hay các cử chỉ xúc phạm tới cá nhân người khác trong Quốc hội.

Điều 120

Thành viên của Quốc hội nếu có hành vi quấy phá tại phiên họp toàn thể hoặc phiên họp của Ủy ban thì có thể bị kỉ luật.

Chương XV. CÁC BIỆN PHÁP KỈ LUẬT

Điều 121

Khi có trường hợp vi phạm kỷ luật tại một Viện thì Chủ tịch Viện đó phải chuyển vụ việc tới Ủy ban Kỷ luật để xem xét và sau khi tranh luận tại một

phiên họp toàn thể của Viện, Chủ tịch Viện sẽ công bố hình thức kỷ luật của Viện.

Khi trường hợp vi phạm kỷ luật xảy ra tại một Ủy ban, Chủ nhiệm Ủy ban đó phải báo cáo lên Chủ tịch Viện để có biện pháp kỷ luật.

Một nghị sỹ có quyền kiến nghị xử lý kỷ luật với điều kiện có sự ủng hộ của trên bốn mươi thành viên đối với Hạ viện và trên hai mươi thành viên đối với Thượng viện. Kiến nghị xử lý kỷ luật phải được thực hiện trong vòng ba ngày kể từ ngày hành vi nghi ngờ là vi phạm kỷ luật được thực hiện.

Điều 121-II

Đối với trường hợp vi phạm kỷ luật xảy ra vào ngày bế mạc kì họp hoặc ngày trước ngày bế mạc kì họp thì Chủ tịch Viện phải chuyển vụ việc tới Ủy ban Kỷ luật trong vòng ba ngày, kể từ ngày triệu tập kì họp tiếp theo, nếu Chủ tịch Viện chưa chuyển vụ việc tới Ủy ban Kỷ luật hoặc nếu đã chuyển tới Ủy ban Kỷ luật, nhưng Viện đó không nhất trí với đề nghị của Ủy ban thì vụ việc tiếp tục được xem xét trong khi Quốc hội không họp hoặc nếu Ủy ban Kỷ luật đã kết thúc việc xem xét nhưng Viện đó không đưa ra quyết định kỷ luật nào.

Nếu trường hợp vi phạm kỷ luật xảy ra vào ngày bế mạc kỳ họp hoặc vào ngày trước ngày bế mạc kỳ họp và nếu không có thời gian để đưa ra kiến nghị xử lý kỷ luật; hoặc nếu đã có kiến nghị xử lý kỷ luật nhưng Viện đó chưa nhất trí thông qua; hoặc nếu trường hợp vi phạm kỷ luật đã được chuyển tới Ủy ban Kỷ luật nhưng Viện đó không nhất trí tiếp tục xem xét trong thời gian Quốc hội không họp; hoặc nếu Ủy ban Kỷ luật đã kết thúc việc xem xét trường hợp vi phạm kỷ luật nhưng Viện đó không nhất trí thông qua thì một nghị sỹ, với sự ủng hộ của đủ số thành viên trong Viện đó theo như quy định tại Đoạn 3 của Điều này, có quyền đệ trình kiến nghị xử lý kỷ luật trong vòng ba ngày, kể từ ngày triệu tập kỳ họp tiếp theo.

Trong kỳ họp đầu tiên của Hạ viện được tổ chức sau một cuộc tổng tuyển cử bầu các Hạ nghị sỹ và trong kỳ họp đầu tiên của Thượng viện được tổ chức sau một cuộc tuyển cử bầu các Thượng nghị sỹ, các quy định ở hai Đoạn trên sẽ không được áp dụng đối với trường hợp kỷ luật xảy ra trong ngày bế mạc kỳ họp trước hoặc trong ngày trước ngày bế mạc.

Điều 121-III

Khi trường hợp vi phạm kỷ luật xảy ra ở một Ủy ban hay ở bất cứ một nơi nào trong một Viện trong khi Quốc hội không họp thì Chủ tịch Viện đó phải chuyển vụ việc tới Ủy ban Kỷ luật trong vòng ba ngày, kể từ ngày triệu tập kỳ họp tiếp theo của Quốc hội.

Khi trường hợp vi phạm kỉ luật xảy ra ở một Ủy ban hoặc ở bất cứ một nơi nào trong một Viện trong khi Quốc hội không họp thì một nghị sỹ với sự ủng hộ của số thành viên trong Viện cần thiết theo quy định tại Đoạn 3 Điều 121 có thể kiến nghị xử lý kỷ luật trong vòng ba ngày, kể từ ngày triệu tập kì họp tiếp theo.

Điều 122

Các biện pháp kỉ luật bao gồm:

- Cảnh cáo công khai trước phiên họp toàn thể;
- Xin lỗi công khai trước phiên họp toàn thể;
- Tạm ngừng tham dự các hoạt động của Viện trong một thời gian nhất định;
- Bãi nhiệm.

Điều 123

Không một Viện nào được quyền từ chối nghị sỹ đã bị bãi nhiệm khi nghị sỹ đó được tái cử.

Điều 124

Chủ tịch một Viện phải đưa ra một thông báo triệu tập đặc biệt trong vòng bảy ngày, kể từ ngày triệu tập Quốc hội khi một nghị sỹ không có mặt vào ngày triệu tập của Quốc hội mà không có lí do chính đáng hoặc không có mặt trước một phiên họp toàn thể hoặc một cuộc họp của một Ủy ban mà không có lí do chính đáng; hoặc vắng mặt quá thời gian cho phép; và nếu trong vòng bảy ngày kể từ ngày nhận được thông báo triệu tập mà nghị sỹ đó vẫn chưa có mặt mà không xin phép thì Chủ tịch Viện đó sẽ chuyển trường hợp này tới Ủy ban Kỷ luật.

Chương XV-II.

ĐẠO ĐỨC CHÍNH TRỊ

Điều 124-II

Các nghị sỹ phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức chính trị do mỗi Viện quy định cũng như tuân thủ các tiêu chuẩn ứng xử được thiết lập theo quyết định của từng Viện phù hợp với các nguyên tắc đạo đức chính trị.

Điều 124-III

Một Hội đồng nghiên cứu về đạo đức chính trị sẽ được thành lập ở từng Viện nhằm thiết lập các nguyên tắc đạo đức chính trị.

Điều 124-IV

Bất cứ một vấn đề có liên quan tới việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng nghiên cứu về đạo đức chính trị mà chưa được quy định trong các điều khoản trên sẽ do từng Viện quyết định.

Chương XVI.

TÒA ÁN ĐÀN HẠCH

Điều 125

Việc phán xét một quyết định đàn hạch phải do Tòa án đàn hạch thực hiện với thành viên được lựa chọn một cách cân bằng từ thành viên của mỗi Viện.

Chủ tịch Tòa đàn hạch được bầu chọn trong số các thành viên của Tòa.

Điều 126

Thủ tục kháng án đối với một phán quyết sẽ do Ủy ban Cáo trạng của Quốc hội thực hiện với thành viên được lựa chọn một cách cân bằng từ thành viên của mỗi Viện.

Chủ tịch Ủy ban Cáo trạng được bầu chọn trong số thành viên của Ủy ban này.

Điều 127

Một thành viên của Ủy ban Cáo trạng không thể đồng thời là thành viên của Tòa đàn hạch.

Điều 128

Khi mỗi Viện lựa chọn các thành viên của mình tham gia vào Tòa án hạch hay Ủy ban Cáo trạng thì các Viện này cũng sẽ lựa chọn các thành viên dự bị cho các vị trí đó.

Điều 129

Các vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án hạch và Ủy ban Cáo trạng mà không được quy định ở trên sẽ được quy định trong một luật riêng.

Chương XVII.

THƯ VIỆN QUỐC HỘI, CỤC PHÁP CHẾ, THƯ KÍ NGHỊ SỸ VÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC CỦA NGHỊ SỸ

Điều 130

Quốc hội được thành lập Thư viện Quốc hội theo một đạo luật riêng nhằm giúp các nghị sỹ Quốc hội trong việc nghiên cứu và tham khảo.

Điều 131

Cục Pháp chế sẽ được thành lập ở mỗi Viện nhằm giúp các nghị sỹ trong việc soạn thảo các dự án luật.

Mỗi c sẽ có một Cục trưởng, các nhân viên và các nhân sự cần thiết khác.

Cục trưởng của Cục Pháp chế do Chủ tịch Viện đó chỉ định hoặc bãi nhiệm với sự chấp thuận của Viện. Khi Quốc hội không họp thì Chủ tịch Viện có thể chấp thuận sự từ chức của Cục trưởng Cục Pháp chế.

Cục trưởng Cục Pháp chế điều hành công việc của Cục dưới sự kiểm soát của Chủ tịch Viện.

Các nhân viên và các nhân sự khác của Cục Pháp chế sẽ do Cục trưởng trưởng chỉ định hoặc bãi nhiệm với sự chấp thuận của Chủ tịch Viện và được Ủy ban Quy tắc và Hành chính thông qua.

Các nhân viên của Cục Pháp chế hoạt động dưới sự chỉ đạo của Cục trưởng.

Điều 132

Mỗi nghị sỹ được phép có hai thư kí riêng nhằm giúp các nghị sỹ này hoàn thành công việc.

Ngoài quy định trên, nghị sỹ có thể được bổ sung thêm một thư kí nữa chủ yếu nhằm giúp nghị sỹ trong việc hoạch định chính sách và tham gia hoạt động lập pháp.

Điều 132-II

Để giúp nghị sỹ hoàn thành công việc, mỗi nghị sỹ được cung cấp một văn phòng với diện tích đủ lớn trong Tòa nhà Quốc hội

Chương XVIII.

CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Điều 133

Bất cứ một khoảng thời gian nào được quy định trong luật này cũng như trong Quy chế của mỗi Viện đều được hiểu là bao hàm cả ngày đầu tiên.



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

Điện thoại: + 84.8043055
Fax: + 84.8048273
Email: thuvienquochoi@qh.gov.vn
Web: <http://thuvien.vpqh.gov.vn/opac/>

Văn phòng Quốc hội
22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

Tài liệu tham khảo: Luật tổ chức Quốc hội Nhật Bản

Để đảm bảo chất lượng hoạt động cung cấp thông tin từ nguồn dữ liệu của Thư viện Quốc hội phục vụ các Đại biểu Quốc hội, Thư viện Quốc hội trân trọng kính mong nhận được các góp ý của Quý đại biểu về kết quả nghiên cứu của báo cáo nghiên cứu này theo Phiếu đánh giá nhanh dưới đây.

Nhận xét của Quý đại biểu về kết quả nghiên cứu này đối với công việc của mình:

- | | | | | | |
|----------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| 1. Rất hữu ích | ☐ | Bình thường | ☐ | Chưa hữu ích | ☐ |
| 2. Quá dài | ☐ | Vừa đủ | ☐ | Quá ngắn | ☐ |
| 3. Rõ ràng | ☐ | Còn đôi chỗ chưa rõ | ☐ | Còn chung chung | ☐ |

Các nhận xét khác:

.....

.....

.....

.....

.....

Trong trường hợp Quý đại biểu cần nhận được phản hồi của Thư viện Quốc hội về đánh giá của mình, xin Quý đại biểu điền thêm các thông tin dưới đây:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Xin Quý đại biểu gửi Phiếu đánh giá này về:

Thư viện Quốc hội, Văn phòng Quốc hội

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: + 84.8043055

Fax: + 84.8048278

Email: thuvienquochoi@qh.gov.vn

Website: <http://thuvien.vpqh.gov.vn/opac/>



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Thư viện Quốc hội



Văn phòng Quốc hội
22 Hùng Vương, Hà Nội
Điện thoại 080.43055 • Fax 080.48278
Email: thuvienquochoi@qh.gov.vn